

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Phương Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà L Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; địa chỉ: Số A, đường L, Khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1952; địa chỉ: Số A, đường L, Khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn H sinh sống cùng nhau từ năm 1981 đến năm 2017 do cần làm thủ tục đất đai mới đăng ký kết hôn. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn bà L và ông H sinh sống tại khu phố T, phường A, thành phố TA, tỉnh Bình Dương đến năm 1995 thì chuyển đến sinh sống tại số A, đường L, Khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà L và ông H sống hạnh phúc đến tháng 09/2024, ông H quen người khác và đưa tiền của gia đình cho người này, không lo cho gia đình, bà L khuyên ông H không nghe và còn không quan tâm đến lời nói của bà L. Hiện nay vợ chồng không còn tình cảm nên bà Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn H. Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn H có 02 con chung tên Trần Thị My H1, sinh năm 1983 và Trần Minh H2, sinh năm 1984. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung: Tự thỏa thuận

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Tran Van H nhưng ông Tran Van H không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyen Thi L và không có yêu cầu phản tố đối với vụ án.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyen Thi L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Tran Van H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ông Tran Van H trình bày không đồng ý ly hôn với bà Nguyen Thi L vì vợ chồng đã lớn tuổi, không có mâu thuẫn gì, mấy tháng nay ông H phải dọn ra nhà trọ sinh sống vì bà L quậy ông không sống ở nhà được. Con chung đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Do nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Nguyen Thi L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, với ông Tran Van H nên đây là vụ án “*Ly hôn*” theo quy định tại các điều 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn ông Tran Van H có nơi cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:* Nguyên đơn bà Nguyen Thi L và bị đơn ông Tran Van H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyen Thi L và ông Tran Van H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 31/8/2017 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Nguyen Thi L trình bày, bà L và ông Tran Van H phát sinh mâu thuẫn do ông H quen người khác, không lo cho gia đình, bà L khuyên ông H không nghe và còn không quan tâm đến lời nói của bà L. Hiện nay vợ chồng không còn tình cảm nên bà Nguyen Thi L yêu cầu được ly hôn với ông Tran Van H. Ông Tran Van H không đồng ý ly hôn do vợ chồng đã lớn tuổi và không có mâu thuẫn gì. Xét thấy, qua xác minh tại phường Phú Thọ thể hiện bà Nguyen Thi L và ông Tran Van H đã ly thân từ tháng 9/2024 đến nay không thể hàn gắn, bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà Nguyen Thi L và ông Tran Van H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyen Thi L về việc yêu cầu ly hôn với ông Tran Van H.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyen Thi L và ông Tran Van H có 02 con chung tên Tran Thi My H1, sinh năm 1983 và Tran Minh H2, sinh năm 1984. Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét thấy, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyen Thi L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); ông Tran Van H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyen Thi L đối với bị đơn ông Tran Van H về việc “Ly hôn”:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyen Thi L được ly hôn với ông Tran Van H.

- Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009164 ngày 13/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công KH theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND P. Phú Thọ;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nga